

Các ḷc̣ ḷc̣ ng̣ ṇc̣ ngoài tham ḍ chịn tranh 1960-1975

Tác Giả: Tṛn Gia Pḥng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Ngày tṛc̣ khi ký hịp đ̣nh Genève (20-7-1954), đ̣ng Lao Đ̣ng (LĐ) đã cḥ tṛc̣ ng̣ tịp ṭc̣ chịn tranh đ̣ ḅnh tṛc̣ ng̣ tḥ ḷc̣.

Vì cḥ tṛc̣ ng̣ ṇy, đ̣ng LĐ và Vịt Nam Dân Cḥ C̣ng Hòa (VNDCCH) hay Ḅc Vịt Nam đã c̣u vịn Trung Qục, Liên Xô và các ṇc̣ c̣ng ṣn khác, nḥ m ḅo ṿ ḥu c̣ Ḅc Vịt Nam và cung c̣p vũ khí ṭi ṭn đ̣ Ḅc Vịt Nam ṭn công Vịt Nam C̣ng Hòa (VNCH) hay Nam Vịt Nam. ̣ tḥ ỵu và đ̣ ṭ ḅo ṿ, Nam Vịt Nam đ̣nh pḥi nḥ Hoa Ḳ và các ṇc̣ đ̣ng minh giúp đ̣ nḥ m cḥng ḷi cục xâm ḷng c̣a Ḅc Vịt Nam. Đó là lý do ̣ c̣ hai phía ṣ hịn dịn c̣a quân đ̣i ṇc̣ ngoài ṭi Vịt Nam.

1.- Ḷc̣ ḷc̣ ng̣ Hoa Ḳ

Ngày 4-2-1950, Hoa Ḳ tḥa nḥn Qục Gia Vịt Nam do qục tṛc̣ ng̣ Ḅo Đ̣i đ̣ng đ̣u. Military Assistance and Advisory Group-Indochina (MAAG-I) ṭc̣ Đ̣n C̣ ṿn Vịn tṛ Quân ṣ Ṃ chính tḥc̣ thành ḷp ngày 17-9-1950, nḥ m ṃc̣ đích c̣ ṿn và hụn luỵn quân đ̣i Vịt Mịn Lào.

Trong chịn tranh ḷnh sau tḥ chịn tḥ hai,(1) tṛc̣ ṣ ḅnh tṛc̣ ng̣ c̣a c̣ng ṣn, đ̣i dịn ba ṇc̣ Australia, New Zealand, United States of America ḥp ṭi San Francisco (Hoa Ḳ) ngày 1-9-1951, ký hịp ̣c̣ thành ḷp kḥi quân ṣ ANZUS, nḥ m ḥp tác phòng tḥ ṇu x̣y ra các cục ṭn công trên Thái Bình Đ̣ng đ̣c̣ xem là ̣nh ḥng đ̣n hòa bình và an ninh c̣a ṃi ṇc̣ và các ṇc̣ khác trong khu ṿc. Kḥi ANZUS không ḷp ḷc̣ ḷc̣ ng̣ riêng, cḥ ḥp ḥng năm c̣p ḅ tṛc̣ ng̣ ngọi giao đ̣ duỵt xét tình hình và ḥp ḅt tḥc̣ ng̣ khi ṃt trong ba ṇc̣ thành viên ỵu c̣u vì an ninh ḅ đ̣a.

Sau hịp đ̣nh Genève (20-7-1954), lo ng̣i ṣ ḅnh tṛc̣ ng̣ c̣a c̣ng ṣn ṭi vùng Đông Nam Á, Hoa Ḳ ṿn đ̣ng ký ḳt Hịp ̣c̣ Ḥ ṭng Phòng tḥ Đông Nam Á (Southeast Asia Collective Defence Treaty) ṭi Manila, tḥ đô Phi Lụt Tân, ngày 8-9-1954. Ṭ đó ra đ̣i Ṭ cḥc Liên phòng Đông Nam Á (Southeast Asia Treaty Organization vịt ṭt là SEATO), g̣m các ṇc̣ (theo tḥ ṭ ABC) Australia (Úc), France (Pháp), New Zealand (Tân Tây Lan) Pakistan (Ḥi Qục), Philippines (Phi Lụt Tân), Thailand (Thái Lan), United Kingdom (Anh), và United States of America (Hoa Ḳ).

Các lực lượng nước ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Trong phạm vi chiến lược của Hiệp ước này, ba nước Campuchia (Cao Miên), Laos (Lào) và Việt Nam được liệt kê trong vùng lãnh thổ được bao phủ. Hoa Kỳ đưa vào vấn đề hiệp ước này để minh chứng sự ủng hộ của họ đối với các chế độ chính quyền ở Đông Nam Á.



Quân đội Mỹ trên chiến trường VN. Ảnh photo.com

Sau khi Pháp rút lui, Hoa Kỳ thiết lập đoàn MAAG-Việt Nam tháng 10-1955, để trợ cấp tài chính và huấn luyện quân đội Việt Nam, nhằm xây dựng cho miền Nam Việt Nam một đội quân có thể tự bảo vệ an ninh lãnh thổ. Theo đà phát triển của quân đội VNCH, đoàn MAAG-Việt Nam được chuyển thành Military Assistance Command, Vietnam (MACV) tức Bộ Tư Lệnh Quân viện Việt Nam ngày 8-2-1962. Nhân số MACV lúc đó khoảng 3,000 người.

Bộ Tư Lệnh Quân viện Việt Nam (MACV) là bộ chỉ huy liên quân Mỹ tại Việt Nam, nằm dưới sự chỉ huy của Pacific Command (PACCOM) tức Bộ Tư Lệnh Hoa Kỳ tại Thái Bình Dương. Dưới quy định MACV là tất cả các lực lượng Hoa Kỳ tại Việt Nam, gồm có: Bộ chỉ huy Lục quân (United States Army Vietnam – USARV), Bộ tư Lệnh Hải quân (Naval Forces Vietnam – NAVFORV), Không lực 7 (Seventh Air Force – 7AF), Lực lượng Thảm y bộ số 3 (III Marine Amphibious Force – IIIAMAF), Lực lượng Dã chiến số 1 (I Field Force, Vietnam – I FFV), Lực lượng Dã chiến số 2 (II Field Force, Vietnam – II FFV), Quân đoàn 24 (XXIV Corps), Lực lượng Địch biệt số 5 (5th. Special Forces Group), Cơ quan Điều phối Dân sự và Phát triển Nông thôn (Civil Operations and Rural Development Support – CORDS), Nhóm Nghiên cứu và Quan sát (Studies and Observations Group – SOG).(2)

Các lực lượng ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Các Tư lệnh MACV là đại tá Paul D. Harkins (từ tháng 2-1962), William C. Westmoreland (từ tháng 6-1964), Creighton W. Abrams (từ tháng 7-1968) và Frederick C. Weyand (từ tháng 6-1972). Vai trò của MACV càng ngày càng quan trọng khi Hoa Kỳ tung quân vào Việt Nam từ năm 1965.

Tháng 8-1964 xảy ra biến cố Vịnh Bắc Việt. Nguyên vào ngày 2-8-1964, khu trục hạm Maddox (Hoa Kỳ) đang tuần tra trong hải phận quốc tế trong vịnh Bắc Việt ngoài khơi Thanh Hóa, thì bị ba ngư lôi định Bắc Việt tấn công. Theo các tài liệu cũ của Hoa Kỳ, hai ngày sau, chi u từ 4-8-1964 hai chi hạm Maddox và Turney Joy bị tấn công lần nữa, trong khi thi hành nhiệm vụ trong hải phận quốc tế. Tuy nhiên, ngày nay, tài liệu cho thấy lần tấn công thứ hai vào từ 4-8-1964 không có thật. (ĐÊ CÊm, <<http://www.vietnamnavy.com/vbviet1.html>>) Ngày 7-8, theo yêu cầu của tướng thống Hoa Kỳ, Quốc hái Hoa Kỳ cho phép ông đưa các sá dáng mái bị ná pháp cán thiát đá đánh trá, nghĩa là cho phép ông có thể đưa quân qua Việt Nam và mở rộng chiến tranh.

Trong thời gian thời tướng Phan Huy Quát cầm quyền (từ 16-2-1965 đến 19-6-1965), những báo cáo của các giới chức Hoa Kỳ cho thấy tình hình quân sự VNCH càng ngày càng bi đát, nhất là báo cáo ngày 24-2-1965 của Cố vấn Trung ương tình báo (CIA), báo cáo vào đầu tháng 3 của tướng Westmoreland và báo cáo của cố vấn McGeorge Bundy sau khi từ Việt Nam trở về.(3) Bundy đề nghị thực hiện ngay kế hoạch “trở đưa liên tục” chiến lược mới của Bộ. Tướng thống Johnson liền quyết định ném chiến dịch oanh tạc chiến lược xuyên Bắc Việt, đặt tên là Rolling Thunder, chính thức bắt đầu vào ngày 2-3-1965.

Do hoạt động của không quân Hoa Kỳ càng ngày càng gia tăng, phi trường Đà Nẵng được dùng làm nơi xuất phát các phân đội bay đi oanh tạc Bắc Việt. Ngày 22-2-1965, tướng Westmoreland, tư lệnh MACV, yêu cầu tướng thống Johnson cho đưa bổ hai tiểu đoàn Thủy quân lục chiến (TQLC) Hoa Kỳ, nhằm bảo vệ căn cứ Đà Nẵng. Johnson đồng ý đề nghị này và đi u kián phái có sá dáng thuán của chính phủ Việt Nam.

Đác lánh của Bộ Ngoạiái giao Hoa Kỳ, ngày 1-3-1965, đại sứ Taylor và phó đại sứ Alexis Johnson gặp thời tướng Phan Huy Quát, đưa đề nghị về việc Hoa Kỳ gửi hai tiểu đoàn TQLC đến Đà Nẵng. Thời tướng Quát chấp thuận. Ngày hôm sau, 2-3-1965, tướng Westmoreland gặp và thông báo cho các tướng Nguyễn Văn Thiáu, tướng trưởng Quân lực và Trán Văn Minh, tướng tư lệnh quân đội. Những người còn ra Đà Nẵng, gặp thi u tướng Nguyễn Chánh Thi, tư lệnh Quân đoàn I để thảo luận kế hoạch đưa bổ. Cố vấn nhán mánh là quyết định nhát quan trọng này chỉ được thực hiện bằng lời chứ không bằng văn bản, gửi các giới chức Hoa Kỳ về thời tướng Phan Huy Quát và mặt sá dáng lãnh Việt Nam chứ, không có ý kiến của Hội đồng chính phủ hay của HĐQL.

Các lực lượng nước ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Cuái cùng, ngày 8-3-1965, tiáu đoàn 9 TQLC Hoa Ká là đán vá chián đáu Má đáu tiên đá bá vào bãi bián Nam Ô, phía bác Đà Náng khoáng 10 cây sá. (4) Các đán vá còn lái đán Đà Náng báng không ván. Viác ngái Má bát đáu đá quân chián đáu vào Viát Nam là mát bián cá quan tráng, ánh háng đán toàn bá tình hình Viát Nam.

Quân sá Hoa Ká tái Viát Nam tá tháng 4-1965 là 32,000 ngái. Cuái năm 1965, sá quân náy tăng thành 186,000. Cuái năm 1966 là 376,800 quân. Cuái năm 1967 lái tăng náa: 486,000 quân. (5) Sau bián cá Máu Thân vào đáu năm 1968, quân sá Hoa Ká lên cao đám là 536,100 ngái. (6) Sau đó, tá giáa năm 1969, táng tháng Richard Nixon thay đái sách lác, rút quân đán theo ká hoách mà ngái Má gái là “Viát Nam hóa” và đá tính sá còn 405,000 vào 1972.

Sau hiáp đánh Paris (27-1-1973), toàn bá quân Má triát thoái khái Viát Nam, MACV bá giái thá ngày 29-3-1973. Cá quan Defense Attach Office (DAO) tác Phòng Táy vián Quân sá Hoa Ká đác thành láp do thiáu táng John Murray chá huy và trong năm sau (1974), thiáu táng Homer Smith thay thá, cho đán tháng 4-1975. Sá quân nhân Hoa Ká hy sinh tái chián tráng Viát Nam lên khoáng 58, 217 ngái và 19 dân sá; 153,452 bá tháng và 1,740 ngái mát tích. (7)

Cán chú ý, chính phá các nác trên thá giái đáu chá lo phác vá quyán lái nác há, nên khi quyát đánh giúp đá mát nác khác, cũng chá vì quyán lái gán hay xa cáa nác há. Ngái Hoa Ká rát thác đáng. Do đó, chính phá Hoa Ká quyát đánh can thiáp vào Viát Nam vì chián lác toàn cáu cáa Hoa Ká chá không phái chá vì giúp đá VNCH. Khi đán vì quyán lái, thì cũng vì quyán lái ngái Hoa Ká ra đái, sán sàng bá rái VNCH khi cán.

2.- Lực lượng các nước trong khái tá do tham chiến

Hoa Ká là thành vián cáa khái ANZUS và tá chác SEATO, nên Hoa Ká kêu gái, thúc đáy các nác đáng minh Đông Á giúp đá Viát Nam. Lúc đáu là nháng toán chuyên vián dân sá. Đán đán nhiáu nác gái quân chián đáu đán giúp VNCH.

Năm 1962, Australia (Úc) gái qua Viát Nam mát biát đái cá ván chián tranh ráng rám khoáng 30 ngái. Sá quân Úc tăng đán lên đán 7,672 năm 1969 và tá năm 1970 giám xuáng trá lái (6,763 quân). (8) Khi rút hát quân vá nác tháng 12-1972, Úc chá đá lái mát trung đái báo vá sá quán Úc tái Sài Gòn. Sá quân Úc tá trán tái Viát Nam là 521 ngái. (9)

Các lực lượng ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

New Zealand (Tân Tây Lan) gửi quân giúp Việt Nam từ tháng 6-1964 đến tháng 12-1972. Đầu tiên là một toán có vẻ 30 người năm 1964 tăng dần theo từng năm. Số quân New Zealand cao nhất vào năm 1970 là 441 người.(10) Tổng số quân từ trên tại Việt Nam là 36 người.(11)

Năm 1964, Republic of Korea (South Korea) tức Cộng hòa Hàn Đßi (hay Nam Hàn) gửi sang Việt Nam 200 quân, nhưng ngay từ năm sau (1965), quân Đßi Hàn tăng lên 20,620 người, rồi lại tăng thành 45,566 quân năm 1966. Cao điểm vào năm 1969, quân Đßi Hàn hiện diện ở Việt Nam là 48, 869 người. Sau đó quân số giảm dần cho đến khi rút lui đầu năm 1973. Quân Đßi Hàn đóng giữ các tuyến duyên hải từ Quảng Ngãi vào đến Bình Thuận. Các đơn vị nổi tiếng là Sư đoàn Mßnh Hß (bßn doanh ở Bình Đßnh), Lß đoàn Thủy quân Lực chiến Thanh Long (bßn doanh ở Cam Ranh) và sư đoàn Bạch Mã (bßn doanh ở Tuy Hòa). Số quân từ trên khoßng 5,099, bß thßng 11,232 và mặt tích 4.(12)

Ngày 29-9-1964, 16 quân nhân viên Không Lực Thái Lan đến Sài Gòn để giúp Không quân Việt Nam. Dần dần quân Thái Lan lên đến 6 tiểu đoàn với 11,586 quân năm 1970, đóng bßn doanh trong vùng tuyến Biên Hòa. Thái Lan bắt đầu rút quân từ tháng 3-1971 và chấm dứt giữa năm 1972.(13a) Thái Lan mặt 351 quân nhân và bß thßng 1,358 người.

Nßc Philippines gửi Đoàn Công tác Dân sự (Civic Action Group) qua giúp VNCH từ năm 1964. Cao điểm năm 1967, quân Philippines lên đến 534 người. Sau đó giảm xuống dần dần và chỉ còn 74 người năm 1970. Quân Philippines đảm trách các công tác dân sự như y tế, làm đường sá, xây dựng công trường, dựng nhà giúp dân tái định cư tại các tuyến Hòa Nghĩa, Bình Đßng và Tây Ninh.(13b) Số thí nghiệm quân nhân Phi Luật Tân không đáng kể, 7 người chết, 2 người bị thương.

Ngoài ra, còn hai nước có chuyên viên kỹ thuật và y tế sang giúp VNCH là Trung Hoa Dân Quốc (Republic of China) và Tây Ban Nha (Spain). Trung Hoa Dân Quốc tức Đài Loan (Taiwan) gửi 20 người năm 1964 và 31 người năm 1970. Tây Ban Nha gửi 13 chuyên viên năm 1966 và chỉ còn 7 người năm 1970.(14)

Diện tích quân sự đáng minh chứng (14)

QUỐC GIA	1964	1965	1966	1967	1968	1969	1970
----------	------	------	------	------	------	------	------

Các lực lượng nước ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Australia	200	1,557	4,525	6,818	7,661	7,672	6,763
New Zealand	30	119	155	534	516	552	441
Republic of Korea	200	20,620	45,566	47,829	50,003	48,869	48,537
Thái Lan	16	244	2,205	6,005	11,568	11,586	
Philippines	17	72	2,061	2,020	1,576	189	74
Republic of China	20	20	23	31	29	29	31
Tây Ban Nha	13	13	12	10	07		

3.-Lực lượng các nước Cộng sản tham chiến

Quân đội Hoa Kỳ và các nước đồng minh trong khối Tá do đó giúp VNCH (Nam Việt Nam) có tính cách công khai, nên chúng nhận được sự ủng hộ của Việt Nam bị chiếm, mà cũng giúp đỡ cho Việt Nam. Ngược lại, lực lượng các nước trong khối Cộng sản đã giúp VNDCCH (Bác Việt Nam) hoạt động bí mật và được giúp đỡ kín trong thời gian chiến tranh. Sau năm 1975, tin tức đã dần dần được công bố.

Đá chuán bị chiến tranh, đầu tháng 7-1959 Hồ Chí Minh qua Moscow để đàm phán Liên Xô yám trợ Bác Việt Nam trong cuộc chiến mà đảng LĐ đang sẵn sàng tiến công miền Nam Việt Nam, nhưng Liên Xô khuyên Hồ Chí Minh nên tiếp tục tìm kiếm đường lối hòa bình.(15)

Vào lúc này, Nikita Khrushchev đang cầm quyền ở Liên Xô từ năm 1953. Năm 1956, trong Đái

Các ḷc ḷng ṇc ngoài tham ḍ chịn tranh 1960-1975

Tác Giả: Tṛn Gia Pḥng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

ḥi đ̣ng ḷn tḥ 20 đ̣ng C̣ng Ṣn Liên Xô (CSLX) tháng 2-1956, ông đ̣a ra cḥ tṛng “chung ṣng hòa bình” gịa các ṇc không cùng cḥ đ̣ chính tṛ.

Ṃt thành ṭu quân ṣ quan tṛng c̣a LX đ̣i tḥi Khrushchev là Liên Xô đã phóng thành công ṿ tinh Sputnik lên qụ đ̣o ngày 4-10-1957, ṃ đ̣u ḳ nguyên chinh pḥc không gian. Sau nḥng cục tḥng ḷng kéo dài, ngày 5-8-1963, ngọi tṛng Liên Xô (Andrei Gromyko), ngọi tṛng Anh Qục (Alec Douglas Home) và ngọi tṛng Hoa Ḳ (Dean Rusk) ký tḥa hịp gịi ḥn tḥ nghịm bom nguyên ṭ trên khí quỵn và ngọi bịn kḥi, cḥ đ̣c tḥ nghịm trên đ̣t lịn. Tḥa hịp ṇy chính tḥc có hiệu ḷc ṭ ngày 10-10-1963.

Khi Leonid Brezhnev lên làm tḥ ký tḥ nḥt đ̣ng CSLX thay Nikita Khrushchev vào tháng 10-1964, thì LX thay đ̣i thái đ̣o, vịn tṛ và g̣i ng̣i sang giúp Ḅc Vịt Nam. Quân đ̣i Liên Xô đ̣n Ḅc Vịt khọng 3,000 ng̣i, thục Phòng Tùy viên Quân ṣ Tòa đ̣i ṣ Liên Xô ṭi Hà Ṇi, đ̣u là nḥng chuyên viên không quân, ḳ thụt phòng không và ḥa tịn (Ḅc Vịt g̣i là tên ḷa). Nhịm ṿ c̣a chuyên viên LX là hụn luỵn ḷp ráp ṭi cḥ các lọi máy bay chịn đ̣u MIG-21 và SU, hụn luỵn phi công Ḅc Vịt lái máy bay, ḷp ráp các ḅ phóng ḥa tịn và đ̣u khịn ḥa tịn. Ngoài ra còn có ṃt ṣ chuyên gia ṿ ḥi quân và các binh cḥng khác.

Khi pḥc ṿ ṭi Ḅc Vịt, các quân nhân LX đ̣u dùng tḥng pḥc, cḥ trong nḥng bụi ḷ ṃi dùng quân pḥc, sinh ṣng ṭp trung nhịu nḥt ṭ trong ṃt ṣ khu ṿc ṭ Hà Ṇi và ṭ các phi tṛng ḷn có trang ḅ ḥa tịn phòng không ṭi Ḅc Vịt.(16)

Ṇc c̣ng ṣn ḷn tḥ hai đ̣a quân vào Ḅc Vịt Nam là Trung Qục (TQ). Ḅc Vịt Nam ṇm sát phía nam TQ. Ngày 4-9-1958, Qục Ṿ Vịn TQ ra ngḥ quỵt ṿ ranh gịi bịn c̣a TQ là 12 ḥi lý ḳ ṭ ḅ bịn, áp đ̣ng cho toàn tḥ lãnh tḥ TQ, bao g̣m các ḥi đ̣o, trong đó có c̣ Hoàng Sa và Tṛng Sa. Đ̣ ḷy lòng TQ, Pḥm Văn Đ̣ng, tḥ ṭng Ḅc Vịt, ṿi ṣ đ̣ng ý c̣a Ḥ Chí Minh và ḅ Chính tṛ đ̣ng LĐ, ký qục tḥ ngày 14-9-1958, tán thành quỵt đ̣nh trên c̣a TQ ngày 4-9-1958, nghĩa là ṃc nhiên tḥa nḥn hai qụn đ̣o Hoàng Sa và Tṛng Sa thục Trung Qục.

C̣n chú ý thêm TQ đã tḥ nghịm thành công qụ bom nguyên ṭ đ̣u tiên ngày 16-10-1964, phóng ḥa tịn nguyên ṭ đ̣u tiên ngày 25-10-1966 và tḥ nghịm qụ bom khinh khí đ̣u tiên ngày 14-6-1967.(17) Ṣ thành công ṇy làm tăng giá tṛ ṿ tḥ c̣a TQ trong bang giao qục ṭ.

Các lực lượng ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trn Gia Phng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

Trc đây, chỉ có Liên Xô là nước công sản duy nhất thế giới có bom nguyên tử, có thể đòi trừng phạt Hoa Kỳ. Nay Trung Quốc cũng có bom nguyên tử nên càng làm cho Bắc Việt tin tưởng thêm hơn trong cuộc đấu tranh với Hoa Kỳ. Mọi bang giao Liên Xô-Trung Quốc rạn nứt từ khi Nikita Khrushchev chủ trương “sòng chung hòa bình” giữa các nước không cùng chế độ chính trị. Nay có bom nguyên tử, TQ càng tỏ ra khiêu khích đối với Liên Xô. Riêng Hoa Kỳ, sau khi TQ nắm được bom nguyên tử, Hoa Kỳ cũng phải tính toán lại sách lược bang giao đối với Trung Quốc, tạo nhieu hơn lợi trong chiến tranh Việt Nam.

Trong khi đó, vào đầu tháng 8-1964 xảy ra biến cố Vịnh Bắc Việt. Quốc hội Hoa Kỳ liên tiếp đưa ra “Quyết nghị vịnh Bắc Việt” (Gulf of Tonkin Resolution) ngày 7-8-1964, cho phép tăng cường Hoa Kỳ thi hành các biện pháp cần thiết, kể cả việc dùng vũ lực, để đòi phó vạ tình hình tại Đông Nam Á. Trung Quốc tỏ ra quan ngại, cho rằng chúng ta đang nhúng Hoa Kỳ vào công việc Việt mà Hoa Kỳ sẽ có thể giúp Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan) để bành trướng Trung Quốc. Mặt khác, Trung Quốc tái bố trí lực lượng mới để phòng thủ, mặt khác Trung Quốc tăng cường giúp đỡ VNDCCH nhằm chống lại Hoa Kỳ. (18)

Các lãnh đạo Bắc Việt là Hồ Chí Minh, Lê Duẩn, Văn Tiến Dũng liên tiếp qua Trung Quốc hội họp và thương lượng với các lãnh đạo Trung Quốc. Ngoài việc gửi quân viện, từ tháng 6-1965 đến tháng 3-1968, Trung Quốc gửi sang Bắc Việt Nam 320,000 quân, trú đóng ở các tỉnh và thành phố phía bắc Hà Nội, đi đầu khiêng các súng phòng không, sửa chữa đường sá, cứu chữa, đường xe lửa, xây dựng các hãng xưởng, bỏ ra với các tỉnh phía bắc nhằm giúp Bắc Việt kéo hậu quân xuống miền công miền Nam. Khi Trung Quốc rút quân về nước vào tháng 8-1973 (7 tháng sau hiệp định Paris), tổng số lính Trung Quốc thi đấu tại Việt Nam là 1,100 người và bỏ xuống là 4,200 người.(19)

Cuối năm 1966, Công Hòa Nhân Dân Triều Tiên (Bắc Hàn) gửi hai trung đoàn pháo binh phòng không và hai phi đội sang Bắc Việt Nam giúp bỏ ra Hà Nội. Kim Nhật Thành đã nói với các phi công Bắc Hàn là hãy chiến đấu trên bầu trời Bắc Việt giành lấy Triều Tiên. Khi rút về vào 1972, Bắc Hàn để lại kho súng vài chục quân nhân bỏ lại trong các cuộc đấu bom của phi công Hoa Kỳ.(20)

Ngoài ra, Cuba, mặt nước Trung Mỹ theo công sản, cũng gửi người để giúp Bắc Việt, qua hình thức dân sự thuộc Tòa đại sứ Cuba ở Hà Nội. Đó là những chuyên viên phụ trách khai thác tù binh Hoa Kỳ ở Bắc Việt bắt được. Đa số quân nhân Hoa Kỳ bắt là phi công. Theo lợi ích của chúng ta tù binh Hoa Kỳ còn sống sót và trả về Hoa Kỳ sau hiệp định Paris năm 1973, các chuyên viên Cuba tra tấn mặt cách tàn nhẫn và có khi đánh đập để nhận chi trả tù binh Hoa Kỳ.(21)

Kät lußn

Sau khi đät näc bä chia hai, miän Nam Viät Nam muän säng yên än, hòa bình đä phát triän kinh tä, nhäng läi bä Bäc Viät Nam khiäu khäch và tän công vì cho räng miän Nam Viät Nam không thi hành viäc tä chäc täng tuyän cä thäng nhät đät näc theo hiäp đänh Genäve (20-7-1954). Lý do näy hoàn toàn không häp lý vì hiäp đänh Genäve chä là mät hiäp äc đänh chä chiän sä, không nói gì đän giäi pháp chính trä. Viäc đä tính tä chäc täng tuyän cä đä thäng nhät đät näc chä đäc đäc cäp đän trong đäu 7 bän “Tuyên bä cuäi cùng cäa Häi nghä Genäve 1954 vä vän đä läp läi hòa bình ä Đäng Däng”. Bän tuyên bä näy läi không có chä ký cäa các näc tham đä häi nghä nên không có giá trä cäng hành.

Quân đäi các näc cäng sän kín đáo đän giúp Bäc Viät Nam, đäc ngäy trang đäi hình thäc chuyên viên kä thuät dân sä. Truyän thông Bäc Viät hoàn toàn do nhà näc kiäm soát, nên không đäa tin vä viäc näy. Bäc Viät bäng bät tin täc rät kä, thä giäi hoàn toàn không hay biät vä sä hiän diän cäa quân đäi các näc cäng sän täi Bäc Viät.

Trong khi đäó, Hoa Kä cùng đäng minh công khai đä quân ät vào Nam Viät Nam. Cäng sän Bäc Viät läi đäng sä hiän diän công khai cäa quân nhân näc ngoài täi miän Nam Viät Nam đä tuyên truyän chäng VNCH và chäng “đä quäc xâm läc Mä”, chäng nhäng trong dân chúng Viät Nam ä cä hai miän Bäc và Nam Viät Nam, mà cä träóc đä luän thä giäi.

Quân đäi Hoa Kä và đäng minh vào miän Nam Viät Nam khá nhanh tä năm 1965 và cũng rút nhanh vào đäu thäp niên 70. Tuy väy, quân đäi VNCH vän mät mình chiän đäu bäo vä miän Nam Viät Nam, và chä phäi buäng säng vì thiäu đän đäc do Hoa Kä cät quân viän, trong khi Bäc Viät Nam đäc toàn khäi cäng sän yäm trä mänh mä cho đän khi thành công năm 1975. (Trích Viät sä đäi cäng täp 6.)

© Trán Gia Pháng

Chú thích:

Các lực lượng nước ngoài tham chiến tranh 1960-1975

Tác Giả: Trán Gia Pháng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

1. Sau thế chiến thứ hai, thế giới chia thành hai khối rõ rệt. Khối tư bản do Hoa Kỳ đứng đầu và khối cộng sản do Liên Xô lãnh đầu. Hoa Kỳ thành công bom nguyên tử lần đầu tiên ngày 16-7-1945, và đã dùng bom nguyên tử thả xuống hai thành phố Nhật Bản là Hiroshima (6-8-1945) và Nagasaki (9-8-1945), kết thúc thế chiến thứ hai. Liên Xô thành công bom nguyên tử đầu tiên ngày 29-8-1949. Vì cùng thế lực vũ khí nguyên tử, hai nước Hoa Kỳ và Liên Xô, tuy tranh chấp nhau quyền lợi, nhưng tránh trực tiếp đứng đầu nhau. Tình trạng này gọi là chiến tranh lạnh. Trong chiến tranh lạnh, Liên Xô và khối cộng sản đưa vào chiến bài giới phóng dân tộc để tuyên truyền và bành trướng thế lực. Hoa Kỳ và khối tư bản cho rằng khi mặt nước cộng sản chiếm quy, thì các nước lân bang dần dần sẽ bị mất vào tay cộng sản, nghĩa là mất quân cờ domino sụp đổ, thì các quân cờ domino khác cũng sụp theo. Đó là nguỵ công thuyết domino thì các nước Tây phương, nhất là Hoa Kỳ. Vì nòng cốt thuyết đưa lý chính trị này, Hoa Kỳ can thiệp vào các nước Đông Nam Á, hậu thuẫn chặn sự bành trướng của cộng sản.

2. Wikipedia, The free encyclopedia, “Military Assistance Advisory Group”.

3. Lâm Vĩnh Thế trích dịch, Bách hóa tài liệu mặt trận Hoa Kỳ về Việt Nam Cộng Hòa, Hamilton, Ontario: Hoài Việt, 2008, tt. 162-166. Đọc thêm: William Westmoreland, A Soldier’s Report, Duy Nguyễn dịch, Hội ký cứu trợ tình nguyện Westmoreland, San Jose: Nxb. Thế Giới, 1996, chương VII, “Quyết định khó khăn nhất”, tt. 171-206.

4. Làng Nam Ô nằm ven vịnh Đà Nẵng, dân đưa phò ng gọi là Vũng Thùng. Trùng đó hơn 100 năm, nhưng TQLC Pháp đầu tiên cũng đã đổ bộ ở Vũng Thùng năm 1856. Ca dao Quảng Nam có câu: “Tai nghe súng nổ cái đùng/ Tàu Tây đã đến Vũng Thùng hôm qua.” Làng Nam Ô thuộc huyện Hòa Vang, tiếp giáp với Liên Chiểu, ngay đường chân phía nam đèo Hải Vân.

5. Đoàn Thêm, Việt chiến ngày 1965, Việt chiến ngày 1966, Việt chiến ngày 1967, California: Nxb. Xuân Thu tái bản, mặt cưỡi mặt sách: “Quân sự Hoa Kỳ”.

6. Wikipedia, The Free Encyclopedia, “Việt nam War”, mặt c “Strenght”.(< <http://en.wikipedia.org> >)

7. Wikipedia, the Free Encyclopedia, “Vietnam War” “Casualties” [Thống kê vong trong chiến tranh Việt Nam]. (http://en.wikipedia.org/wiki/Vietnam_War_casualties)

8. Trung tâm nghiên cứu Stanley Robert Larson và Thi u t nghiên cứu James Lawton Collins, Jr., Allied Participation in Vietnam, Washington D.C.: Department of Army, 1985, tr. 23.

9. Australian War Memorial, “Vietnam War 1962-1975”.(< <http://www.awm.au> >)

10. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sđd. tr. 23.

11. Wikipedia, The Free Encyclopedia, “New Zealand in the Vietnam War”.

12. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sđd, chương: “The Republic of Korea”, tt. 120-156; và Wikipedia, The free encyclopedia, “Vietnam War Casualties”.

13. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sđd, tt.. 23, 51 (13a), 23, 63 (13b).

14. Robert Larson và Lawton Collins, Jr., sđd. tr. 23.

15. Mark Moyar, Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965, New York: Cambridge University Press, 2006, tr. 83.

16. <http://www.russiatoday.ru/news/news/21019> “USSR ‘secret’ Vietnam soldiers speak out”, 16-2-2008. Xem thêm: Bản tin đài RFA (Radio Free Asia) ngày 20-2-2008. RFA còn phỏng vấn nhà báo Bùi Tín, cựu đầu tá Bộ đội công an Bắc Việt. Ngoài ra, tham khảo thêm BBC Vietnamese ngày 19-11-2008.

17. Google: “China Nuclear Forces”.(Trích ngày 4-6-2008.)

Các ḷc ḷng ṇc ngoài tham ḍ chịn tranh 1960-1975

Tác Giả: Tṛn Gia Pḥng

Thứ Bảy, 19 Tháng 6 Năm 2010 05:33

18. Lorenz Luthi, "The Vietnam War and Chinas Third-Line Defense Planning before the Cultural Revolution, 1964-1966" < [http://viet-studies.info/kinhte/VN War China Third Line Defense.pdf](http://viet-studies.info/kinhte/VN_War_China_Third_Line_Defense.pdf)

> Journal of Cold War Studies, Vol. 10, No. 1, Winter 2008, pp. 26-51, ḅn ḍch c̣a Tṛn Qục Tân, Chịn tranh Vịt Nam và ḳ họch phòng tuỵn ba c̣a Trung Qục tṛc C̣ch ṃng Văn hóa, 1964-1966, (Ngụn: Ṭp chí Tḥi Đ̣i Ṃi, ṣ 13, tháng 03-2008. (tapchithoidai.org/ThoiDai13/2008).

19. Qiang Zhai, China & Vietnam Wars, 1950-1975, The University of North Carolina Press, 2000, tr. 135.

20. Wikipedia, The Free Encyclopedia, "Koreans in Vietnam", "Vietnam War casualties", và BBC NEWS (Anh ng̣) các ngày 31-3-2000, 7-7-2001, và 12-7-2001.

21. <http://www2.fiu.edu/~fcf/warcrimes.cuba.vietnam.html> . "War Crimes: The Cuban-Vietnam Connection", 20-2-1997. <http://we>

bcache.googleusercontent.com/

"Cuban Torturers in Viet Nam-Eye-Witness Report, 12-Apr-2004".